TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06-8-2019
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phượng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Cao Đình Nhân

- Bà Triệu Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lường Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên tòa*: Ông Phạm Văn Bảng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2019/TLST–HNGĐ ngày 26/3/2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/6/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thúy D, sinh năm 1993; Địa chỉ: Tổ 13, thôn B, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bà D có mặt, ông H vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thúy D:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông H kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi, có thời gian tìm hiểu nhau trước khi cưới. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do gia đình chồng gây áp lực quá lớn, vợ chồng thường xuyên gây gỗ với nhau, ông H không thành thật với bà. Vợ chồng bà đã sống ly thân từ tháng 10/2018. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Ngọc H.

Về con chung: Bà và ông H có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Anh Q,

sinh ngày 08/10/2017. Hiện nay cháu Q đang sống cùng với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được quyền nuôi cháu Q cho đến ngày cháu thành niên.

Về cấp dưỡng: Bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông H không có tài sản chung và không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến làm việc nhiều lần nhưng không đến, ông H không nộp văn bản ghi ý kiến của mình và cũng không cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án đã tiến hành phiên họp vắng mặt ông H và đã thông báo kết quả phiên họp cho ông H được biết. Do ông H vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán đã thực hiện việc tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D, xử cho bà D với ông H ly hôn; con chung: giao cháu Nguyễn Ngọc Anh Q cho bà D nuôi dưỡng đến ngày con chung thành niên; bà D không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét; tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc "Tranh chấp ly hôn" giữa nguyên đơn bà Lê Thị Thúy D với bị đơn ông Nguyễn Ngọc H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt đến lần thứ 02 dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Thúy D và ông Nguyễn Ngọc H là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/8/2016 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình vợ chồng chung sống theo bà D thì thời gian đầu có hạnh phúc, đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn.

Bà D cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là áp lực từ gia đình chồng, vợ chồng bà thường xuyên gây gổ với nhau, ông H là chồng nhưng sống không thành thật với vợ, ngoài ra ông H còn đánh bà, vợ chồng bà đã sống ly thân từ 10/2018. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, bà không thể tiếp tục chung sống với ông H được nữa, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông H. Còn ông H không có ý kiến gì về quan hệ hôn nhân với bà D. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Lê Thị Thúy D và ông Nguyễn Ngọc H đã trầm trọng, kéo dài, bà D với ông H đã sống ly thân với nhau từ tháng 10/2018 đến nay. Ông H không đến Tòa án làm việc, hòa giải, không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà D nên quan hệ hôn nhân giữa bà D với ông H là không thể hàn gắn, hiện nay mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà D về việc xin ly hôn với ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà D và ông H có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Anh Q, sinh ngày 08/10/2017. Hiện nay cháu Q đang sống với bà D. Bà D yêu cầu được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến ngày con thành niên. Ông H không có ý kiến gì về con chung. Xét thấy, cháu Q hiện nay còn nhỏ và đang có cuộc sống ổn định với bà D. Do đó, để đảm bảo cho các cháu có cuộc sống ổn định cũng như điều kiện để cháu phát triển về mọi mặt nên giao cháu Q cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: Bà D không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D và ông H không có tài sản chung, không có nợ chung. Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Buộc bà D phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Thúy D, xử cho bà Lê Thị Thúy D với ông Nguyễn Ngọc H ly hôn.

- *Về con chung:* Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Anh Q, sinh ngày 08/10/2017 cho bà Lê Thị Thúy D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày con chung thành niên.

- *Về cấp dưỡng:* Ông Nguyễn Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về án phí:* Bà Lê Thị Thúy D phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc khởi kiện ly hôn. Bà D đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2016/0006627 ngày 26/3/2019 được chuyển thu.

Bà D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông H vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã N, huyện Đ;
- Lưu AV, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Phượng Diễm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Triệu Thị Hằng – Trương Văn Điều Lê Thị Phượng Diễm